

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
Khai thác công trình
Thủy lợi Ninh Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 378 /BC-CTKTTL

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Phục vụ giám sát chuyên đề của Hội đồng Nhân dân tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”

Kính gửi:

- Đoàn Giám sát thuộc HĐND tỉnh Ninh Thuận;
- Thanh tra tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về kế hoạch giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”.

Căn cứ Công văn số 814/TTT-NV3 ngày 26/8/2022 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh;

Nay Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận gửi báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”, gồm các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở, ngành, đơn vị, địa phương mình.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, kỷ cương, liêm chính, chí công vô tư, đoàn kết nội bộ và đi đầu trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Quán triệt các văn bản về PCTN tại các cuộc họp của các đơn vị, sinh hoạt chi bộ định kỳ trong đơn vị.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở, ngành, đơn vị, địa phương mình.

Nêu cao vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong Công ty đặc biệt là Ban Thanh tra nhân dân trong việc tham gia, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức; tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Ban Giám đốc Công ty đã phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người lao động.

Đã tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, người lao động của Công ty các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng.

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng ủy, lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đảng viên, người lao động lồng ghép, phổ biến trong các cuộc họp chi bộ, công đoàn, đoàn thanh niên, hội nghị Công ty luôn duy trì việc quán triệt các văn bản pháp luật và các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng. Đối với Đảng viên học tập, quán triệt bằng hình thức học trực tuyến qua các điểm cầu các Nghị quyết của Trung ương và địa phương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

Hình thức phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Thường xuyên cập nhật và chuyển tải các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng qua hệ thống điện tử văn phòng (TDOffice) và lồng ghép tại các cuộc họp cơ quan, đơn vị.

2.2 Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên cơ sở chỉ đạo bằng Văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, Ngành có liên quan về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Ban Lãnh đạo Công ty đã kịp thời ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo kịp thời đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

Theo đó hàng năm Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận đã ban hành Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022; Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng định kỳ theo tháng, quý; Công văn số 192/CV-CT ngày 15/5/2019 Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 141/BC-CT ngày 07/5/2020 về việc Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Báo cáo số 310/BC-CTKTTL

ngày 20/11/2020 về việc Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020; Kế hoạch số 21/KH-CTKTTL ngày 04/11/2021 triển khai thực hiện về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Báo cáo số 387/BC-CTKTTL ngày 19/10/2021 về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; Công văn số 673/CTKTTL-KSNB ngày 29/11/2021 về việc tăng cường thực hiện các giải pháp về phòng, chống tham nhũng; Công văn số 741/CTKTTL-TCHC ngày 28/12/2021 về việc tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới; Đảng ủy Công ty đã ban hành Kế hoạch số 10-KH/ĐU ngày 25/10/2021 về thực hiện Kết luận số 05-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Báo cáo số 30/BC-CTKTTL ngày 26/01/2022 về kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ trong dịp tết Nhâm Dần; Kế hoạch số 19/KH-CTKTTL ngày 17/3/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022; Công văn số 297/CTKTTL-TCHC ngày 10/6/2022 về việc công khai minh bạch trong công tác phòng, chống tham nhũng trên trang thông tin điện tử Công ty; Báo cáo số 233/BC-CTKTTL ngày 13/6/2022 về Tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Báo cáo số 288/BC-CTKTTL ngày 07/7/2022 về Tổng kết 10 năm hoạt động của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2013 – 2022. Qua đó tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc triển khai, thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, tiếp tục thực hiện hoạt động cải cách tư pháp trong đơn vị công tác.

2.3 Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan đơn vị chuyên trách).

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận không có cán bộ chuyên trách về công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ phân công kiêm nhiệm. Hiện nay, giao cho Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính phối hợp cùng Trưởng ban Kiểm soát nội bộ phụ trách tham mưu cho Đảng ủy và Ban Lãnh đạo Công ty.

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. không

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Hàng năm, ban hành kế hoạch phòng, chống tham nhũng, ý thức trách nhiệm của đảng viên, người lao động trong công tác phòng, chống tham nhũng được nâng cao. Ban Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các Bộ phận thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ. Tình trạng tham nhũng cũng được phòng ngừa, ngăn chặn trong tất cả các lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính và tài sản công, trong đầu tư xây dựng... cũng như tiêu dùng của đơn vị.

Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản theo đúng định mức, tiêu chuẩn trang thiết bị thực sự cần thiết để phục vụ công tác chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ. Chỉ mua sắm những tài sản có nhu cầu bức thiết và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Công khai kết quả nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp khác (nếu có) và công khai kết quả xét duyệt thi đua, khen thưởng, đánh giá chất lượng công tác hàng quý, các khoản chi tiêu, kế hoạch xây dựng, sửa chữa ...

Mọi khoản thu, chi đều được hạch toán và theo dõi qua sổ sách của Phòng Tài vụ, tuyệt đối không có khoản thu, chi nào bị bỏ ngoài sổ sách.

Nêu cao vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong Công ty đặc biệt là Ban Thanh tra nhân dân trong việc tham gia, giám sát các hoạt động quản lý nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức; tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

Thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm phòng, chống tham nhũng người đứng đầu đơn vị, không có trường hợp người đứng đầu đơn vị có dấu hiệu tham nhũng.

Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập: Đã thực hiện kê khai tài sản thu nhập lần đầu và hằng năm theo hướng dẫn tại Công văn số 6156/UBND-TCNDC ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hằng năm của năm 2021; Công văn số 884/TTT-PCTN ngày 29/11/2022 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn một số nội dung kê khai tài sản, thu nhập của năm 2021. Đã bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu và hằng năm cho Thanh tra tỉnh.

Hàng năm đã thực hiện công khai minh bạch thông tin các lĩnh vực được UBND tỉnh triển khai tại Công văn số 1914/UBND-TCNDC ngày 28/5/2020 về việc công khai minh bạch trong công tác phòng chống tham nhũng trên website Công ty: <http://khaithacthuyloininhthuan.com.vn>

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý sử dụng kiểm soát chi, quyết toán kinh phí, chấp hành chế độ thanh tra, kiểm toán... theo quy định;

Triển khai thực hiện đầy đủ và đồng bộ cơ chế quản lý tài chính theo chế độ quy định;

Các tiêu chuẩn, định mức, sử dụng ô tô, xăng xe, điện thoại, điện, nước, hội nghị, đào tạo, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, thanh toán làm thêm giờ, chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết, các hoạt động hiếu hỷ, khen thưởng... đều được công khai, minh bạch theo quy chế chi tiêu nội bộ và thỏa ước lao động tập thể. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, chức danh quản lý nhằm sử dụng kinh phí một cách tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng; không có.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

Công ty thường xuyên quán triệt toàn thể người làm việc trong toàn đơn vị chấp hành nghiêm túc Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Kết quả đến nay 100% các đơn vị trực thuộc Công ty đã thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, giao tiếp làm việc, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh công sở. Qua quá trình thực hiện, không có đảng viên, người làm động vi phạm các quy định ứng xử, đạo đức nghề nghiệp

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo).

Doanh nghiệp không thuộc diện phải thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập.

Đơn vị đã triển khai thực hiện một số văn bản cụ thể điển hình như: Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng; Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm soát tài sản, thu nhập; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020; Công văn số 6156/UBND-TCDNC ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021.

Theo đó, Công ty đã tổ chức kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh theo quy định. Đồng thời trong những năm qua chưa phát hiện trường hợp nào bất minh về tài sản, thu nhập, đơn thư tố cáo về việc kê khai tài sản không trung thực cần phải thẩm tra, xác minh.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không có.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có

3.8 Việc thực hiện cải cách hành chính.

Công ty tiếp tục thực hiện cải cách hành chính một cửa công tác văn thư lưu trữ, công khai các chủ trương, kế hoạch hoạt động của Công ty lên cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Áp dụng công nghệ phần mềm và triển khai chữ ký số thực hiện đồng bộ việc xử lý văn bản trên phần mềm TD Office theo quy trình khép kín (*tất cả các thao tác gửi nhận hồ sơ xử lý cá nhân, tổ chức đều được thực hiện trên phần mềm TD Office*) đáp ứng tinh thần chỉ đạo và phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong xử lý công việc hàng ngày.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản.

Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận đã triển khai, thực hiện phương thức thanh toán chế độ tiền lương và các chế độ có liên quan qua tài khoản; các khoảng trích nộp theo lương, thanh toán các chi phí hành chính, mua sắm tài sản, ... theo quy định.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng; không có.

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Không có

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có

4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành, đơn vị, địa phương: Không có

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: Không có

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận. không có

5.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: Không có

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Không có

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước: Không có

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình: Không có

- Tóm tắt nội dung vụ việc, nêu rõ số lượng cán bộ, công chức thanh tra bị xử lý kỷ luật do có hành vi tham nhũng: Không có

- Báo cáo số cán bộ, công chức thanh tra bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra; giá trị tài sản tham nhũng, kết quả thu hồi như thế nào: Không có

7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP

(1) Việc ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về THTK, CLP

Xác định việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP là nhiệm vụ quan trọng, giai đoạn 2016-2021, cấp ủy chi bộ, Ban giám đốc Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên, lao động. Việc quản lý, sử dụng ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp bảo đảm đúng mục đích, quy định.

(2) Việc ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện.

a) Căn cứ vào các định mức Công ty thường xuyên tổ chức triển khai, quán triệt cho toàn thể người lao động trong Công ty nắm vững nội dung Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

b) Đầu năm, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận Ban hành Quyết định ban hành chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí làm cơ sở thực hiện trong năm;

c) Ngoài ra Ban giám đốc và Ban chấp hành công đoàn Công ty hàng năm thông qua hội nghị người lao động đã ký kết thỏa ước lao động tập thể.

d) Ngay từ đầu năm Công ty tiếp tục triển khai định mức tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh đã xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí của công ty hàng năm cụ thể:

- Tiết kiệm về chi phí trong giá thành xây lắp các công trình tự thực hiện: 7% (gồm 5,5% thu nhập chịu thuế tính trước và 1,5% tiết kiệm chi phí quản lý).

- Tiết kiệm mua công cụ, dụng cụ phát dọn kênh mương (02 năm/lần): 6%

e) Thực hiện Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Đảng ủy và Ban giám đốc Công ty đã chỉ đạo các bộ phận phòng, ban, trạm thuộc Công ty theo chức năng và nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

f) Công ty đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác khai thác và vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 357/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007; Quyết định 4545/QĐ/UBND ngày 04/09/2009; và Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi.

g) Định mức lao động căn cứ vào các quy định của pháp luật về thời giờ làm việc Công ty đề ra nội quy quy chế làm việc trong cơ quan, về sử dụng thời gian lao động, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật.

h) Các tiêu chuẩn, định mức, sử dụng ô tô, xăng xe, điện thoại, điện, nước, hội nghị, đào tạo, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, thanh toán làm thêm giờ, chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết, các hoạt động hiếu hỷ, khen thưởng... đều được

công khai, minh bạch theo quy chế chi tiêu nội bộ và thỏa ước lao động tập thể. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, chức danh quản lý nhằm sử dụng kinh phí một cách tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

(3) Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật THTK, CLP.

a) Công ty thường xuyên triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

b) Hàng năm Công ty đều triển khai cho tất cả 100% người lao động các phòng, ban, trạm trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt các văn bản có liên quan về công tác tiết kiệm chống lãng phí. Từ đó xây dựng chương trình hành động, cụ thể hóa chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

(1) Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về thu, chi ngân sách trong giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn

Công ty quản lý và sử dụng vốn NSNN đúng nội dung, mục đích và đúng quy trình xây dựng cơ bản khi thực hiện đầu tư sửa chữa các công trình, dự án có nguồn vốn từ NSNN.

(2) Việc tham mưu, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về chế độ, chính sách; định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi theo quy định; các chế độ, chính sách có tính chất đặc thù của địa phương.

- Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí; các văn bản, quy định của Nhà nước, rà soát các cơ chế, quy chế, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được Nhà nước giao. Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh quản lý chặt chẽ, tiết kiệm các khoản chi tiêu đúng Quy chế chi tiêu nội bộ, Kinh phí ngân sách nhà nước cấp được sử dụng đúng mục đích tiết kiệm và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế, tiết kiệm về chi phí trong giá thành xây lắp các công trình tự thực hiện: 1,5% tiết kiệm chi phí quản lý.

- Tiết kiệm mua công cụ, dụng cụ phát dọn kênh mương(02 năm /lần): 6%

- Tiết kiệm chi phí sửa chữa công trình, sử dụng lao động trong Công ty để khơi thông dòng chảy, bảo trì, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị, hạn chế tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình, giảm chi phí thuê ngoài.

- Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công tác quản trị, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 – 2020*”.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung chi tổng quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và đúng với các quy định của pháp luật về định mức chi tiêu.

(3) Kết quả tiết kiệm các khoản chi thường xuyên của ngân sách Nhà nước.

Công ty đã triển khai thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn thu khác để đảm bảo ổn định tình hình tài chính của công ty. Thực hiện chi tiêu tiết kiệm, sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch và có hiệu quả.

Định kỳ thực hiện công khai tình hình thu, chi tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện quy định của Chính phủ và UBND tỉnh, Công ty thường xuyên lồng ghép các cuộc họp định kỳ của công ty triển khai các quy định của Chính phủ về thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Cắt giảm các cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng các cuộc họp góp phần tích cực tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của sự chỉ đạo nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của UBND tỉnh giao.

(4) Việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017; việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu. Công ty tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là đơn vị được cơ chuyên ngành, UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn để đầu tư thực hiện dự án có liên quan đến việc nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi. Trong giai đoạn 2016-2020, Công ty được ngân sách bố trí 32.973 triệu đồng, đã giải ngân 32.455 triệu đồng tỷ lệ 98%. Công ty đã thực hiện, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Các công trình đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ, đúng thời gian đưa vào sử dụng.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia: Không

5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

(1) Quản lý, sử dụng, sắp xếp lại nhà, đất công vụ, trụ sở làm việc

Đảng ủy công ty lãnh đạo, chỉ đạo ban giám đốc Công ty thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phục lợi công cộng. Công ty đã thường xuyên bảo trì và sử dụng hết diện tích trụ sở theo đúng thiết kế, không để lãng phí diện tích.

(2) Quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất.

Công ty quản lý và sử dụng tốt tài sản gắn liền với đất. Thường xuyên bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa tài sản gắn liền với đất.

(3) Mua sắm, quản lý, sử dụng máy móc, phương tiện đi lại, đầu tư trang thiết bị;

Việc mua sắm, sử dụng phương tiện ô tô và trang thiết bị văn phòng (máy tính, điện thoại) trong giai đoạn 2016-2021 Công ty không mua sắm phương tiện đi lại. Việc mua sắm các trang thiết bị của Công ty chỉ mua sắm khi thực sự cần thiết. Giảm thiểu tối đa việc mua sắm các thiết bị chưa cần thiết.

Hàng năm, Phòng Tổ chức- hành chính phối hợp các Phòng, Ban, Trạm thực hiện rà soát, kiểm tra toàn bộ trang thiết bị của công ty để lập kế hoạch mua sắm, trang bị mới phục vụ cho công tác chuyên môn;

(4) Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Không

6. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

- Thực hiện nghiêm túc quy định của Chính phủ, Quy chế của Công ty về tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ; chỉ tuyển dụng thêm lao động, bổ nhiệm cán bộ khi thực sự có nhu cầu.

- Xác định các vị trí, chức danh công việc; sắp xếp lại cơ cấu cán bộ quản lý chủ chốt trong Công ty, đảm bảo bộ máy gọn nhẹ, có hiệu quả và đúng quy định.

- Cử cán bộ đào tạo đúng người, đúng đối tượng, nội dung đào tạo sát với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác nâng bậc lương, chuyển ngạch lương cho người lao động đúng quy định.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về các quy định tại nơi làm việc, xây dựng lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; Công khai, dân chủ trong toàn công ty.

7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là đơn vị hoạt động công ích làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ

cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và dân sinh kinh tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, tài nguyên thiên nhiên nước đối với sự vận hành của công ty là vô cùng quan trọng. Trong tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay, hạn hán xảy ra nhiều nơi vì vậy Công ty luôn luôn chú trọng công tác điều tiết nước tiết kiệm đảm bảo đủ nguồn nước ổn định phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và dân sinh kinh tế bằng các biện pháp như:

- Xây dựng kế hoạch tưới tiêu hàng năm, lập các kế hoạch, biện pháp phòng chống thiên tai để thực hiện mục tiêu, tiết kiệm và chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Phối hợp cùng Sở Nông Nghiệp và các đơn vị có liên quan thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng tiết kiệm nước.

- Thường xuyên phối hợp cán bộ địa phương tổ chức kiểm tra, thanh tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phát hiện và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi làm ô nhiễm, hủy hoại, gây thất thoát, lãng phí tài nguyên nước.

- Tăng cường bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh; khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững không gian, mặt nước, tài nguyên thiên nhiên.

8. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Không

9. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

(1) Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nhiệm vụ chính mà Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được UBND giao là quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Trong giai đoạn từ năm 2016-2021 tình hình thời tiết trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận diễn ra hết sức phức tạp, thiên tai mưa lũ, hạn hán thường xuyên xảy ra và kéo dài làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tưới tiêu, cung cấp nước phục vụ sản xuất của Công ty nên việc thực hiện kế hoạch đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu	81.520	73.050	83.395	70.181	90.885
2	Chi phí	75.654	67.676	68.394	65.026	84.789
3	Nộp NSNN	2.039	2.021	3.394	10.634	5.143
4	Lợi nhuận sau thuế	5.377	4.864	13.099	4.650	5.234

5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE)	0,0026	0,0023	0,0063	0,0020	0,0021
6	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	0,0026	0,0023	0,0062	0,0020	0,0021

Trong những năm qua, với sự nỗ lực cố gắng khắc phục mọi khó khăn của tập thể người lao động và sự chỉ đạo lãnh đạo sâu sát của đội ngũ người quản lý Công ty đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho.

(2) Công tác cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước

Công ty không thuộc doanh nghiệp cổ phần hóa trong giai đoạn 2016-2021.

(3) Việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt phương án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, giai đoạn 2016-2020, Công ty thực hiện triển khai các nội dung được duyệt từng bước hoàn thiện bộ máy tổ chức theo đề án được duyệt. Sau khi triển khai tổ chức lại các phòng ban đã được chuyên môn hóa cao, phát huy hiệu quả trong giải quyết công việc, từng bước đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn vừa qua. Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh theo phương án.

(4) Quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn doanh nghiệp Nhà nước

Số vốn điều lệ do UBND tỉnh phê duyệt gần nhất là theo Quyết định 2110/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là 1.729.907.238.845 đồng (*Một ngàn bảy trăm hai mươi chín tỷ chín trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng chẵn.*).

Hiện nay, Bộ Tài Chính đang xem xét, có ý kiến trình Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương phê duyệt phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2021-2025 của Công ty. Sau khi được Bộ Tài chính thẩm định và Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương, Công ty sẽ thực hiện ghi tăng vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ. Dự kiến đến năm 2025, mức vốn điều lệ của Công ty là 2.477.616.875.052 đồng (*Hai ngàn bốn trăm bảy mươi bảy tỷ sáu trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm năm mươi hai đồng chẵn.*).

10. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

Công tác tổ chức bộ máy hoạt động của công ty được thực hiện kịp thời. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng Phòng, Phó trưởng phòng, Trưởng Trạm, Phó trưởng trạm thuộc công ty kịp thời đúng quy định.

Thực hiện các quy định của pháp luật về các quy định tại nơi làm việc, xây dựng lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; Công khai, dân chủ trong toàn công ty.

Bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch tình hình tài chính, đầu tư sử dụng vốn của Nhà nước, chi phí kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các giao dịch lớn, giao dịch có liên quan đến người quản lý, tài sản, và thu nhập của người quản lý trên trang <http://khaithachthuyloinhthuan.com.vn>; và trang website <https://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn/> (hệ thống MIS); Công khai các thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ. Đồng thời còn công khai các thông tin tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình chi quỹ khen thưởng phúc lợi,... đến toàn thể người lao động tại cuộc họp tổng kết 6 tháng, cả năm của Công ty.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc THPT, CLP.

Căn cứ Kết luận số 990/KL-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động, quản lý đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận. Cấp ủy, Ban lãnh đạo Công ty và các đoàn thể trong Công ty, tăng cường chỉ đạo, phối hợp theo quy chế đã được ký kết và thực hiện khắc phục những sai phạm, hạn chế trong công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật có liên quan đến quản lý doanh nghiệp Nhà nước làm chủ sở hữu, Điều lệ và nội quy, quy chế của Công ty đã được ban hành. Nêu cao tinh thần đoàn kết, gương mẫu, nhất là người giữ các chức danh quản lý của Công ty.

Công ty đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm cụ thể đối với Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên, các chức danh quản lý, các bộ phận tham mưu có liên quan thuộc Công ty, xử lý từng hành vi sai phạm, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra và có hình thức xử lý kỷ luật theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty.

Đến thời điểm hiện nay, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, công tác lãnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đảng cấp trên, của Đảng bộ Công ty; tinh thần đoàn kết, phối hợp

trong việc thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở chấp hành Điều lệ, nội quy, quy chế nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành được thực hiện đầy đủ; nội bộ thực sự đoàn kết, thống nhất cao trong lãnh chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, CHỈ RÕ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN; THTK, CLP

1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn vừa qua, với tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn, Đảng bộ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận đã lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi; cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, công tác tổ chức quy hoạch cán bộ quản lý trong giai đoạn vừa qua được Đảng ủy, Chủ tịch Công ty chú trọng quan tâm và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tổ chức bộ máy hoạt động, các phòng ban chuyên môn, bố trí người lao động phù hợp đúng với đề án cơ cấu lại Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt phát huy được hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn vừa qua.

Trong giai đoạn năm 2017 đến năm 2021, bên cạnh những mặt thuận lợi thì Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, bất lợi đan xen đặc biệt là những năm gặp thời tiết cực đoan, hạn hán khắc nghiệt xảy ra trên địa bàn tỉnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, với sự nỗ lực đoàn kết của toàn thể người lao động, người quản lý trong Công ty, cùng với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương Công ty đều hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà UBND tỉnh đã giao: Cung cấp nước tưới trung bình cho hơn 70.000ha đất sản xuất hàng năm, đảm bảo cung cấp đủ nước thô cho việc sản xuất nước sạch sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh kể cả trong điều kiện hạn hán khốc liệt nhất năm 2018 và năm 2020 đã diễn ra; Đảm bảo đủ nước uống cho gia súc, sản xuất công nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn tỉnh. Những năm qua Công ty đã quản lý và khai thác hệ thống công trình thủy lợi tốt đảm bảo đủ nước cho sinh hoạt trong mùa hạn, an toàn hồ đập, an toàn cho nhân dân vùng hạ du trong mùa mưa lũ, thực hiện tốt nhiệm vụ UBND tỉnh giao.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì Công ty cũng có một số những tồn tại, hạn chế như sau:

- Năm 2019, do chưa có sự thống nhất trong quản lý điều hành đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong năm này Công ty chỉ được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ (Doanh nghiệp xếp loại B).

- Bộ máy quản lý, tổ chức, phân công nhiệm vụ giữa các Phòng, Ban, Trạm đôi lúc còn chưa linh hoạt, sự phối hợp còn chưa thực sự nhịp nhàng, còn thiếu nhiều lao động so với quy định, định mức trong quản lý vận hành công trình thủy lợi theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.

- Nhiều công trình thủy lợi xây dựng từ những thập niên trước đến nay do chưa đủ nguồn lực để sửa chữa nâng cấp nên thường xuyên bị hư hỏng, xuống cấp không phát huy được công năng theo thiết kế.

- Tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi ngày càng nhiều đặc biệt nhiều công trình kênh mương bị lấn chiếm, xả rác thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất.

- Công ty còn chưa khai thác được hết các nguồn thu từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

- Hệ thống bảng lương, cơ chế trả lương, trả thưởng, thù lao cho người lao động còn chưa phù hợp, chưa khuyến khích, thu hút người lao động, năng suất lao động, hiệu quả công việc còn chưa cao.

- Hiện nay, trong việc mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên nguồn lực nội tại (như mở rộng hoạt động du lịch, nuôi cá lồng hồ) của Công ty triển khai còn chậm do phải qua nhiều khâu phê duyệt (phải thông qua các Sở, Ngành, UBND tỉnh).

- Hiện nay, Chính phủ vẫn chưa ban hành khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi nên Công ty còn thiếu cơ sở pháp lý để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, phải trình các Sở, UBND, Bộ Tài chính tạm áp dụng giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi của năm 2021 để lập kế hoạch tài chính cho năm 2022, và hiện nay đang lập cho năm 2023.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1 Nguyên nhân chủ quan

Trong giai đoạn 2017 – 2020, Công tác nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ có khó khăn nên Đại hội Lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Đảng bộ Công ty không bầu Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra nhiệm kỳ mới. Ban Chấp hành cũ (nhiệm kỳ 2015 - 2020) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới (2020 - 2025). Đồng chí Bí thư chỉ là Phó Giám đốc Công ty (không phải là Chủ tịch, Giám đốc Công ty). Vì vậy, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền gặp nhiều khó khăn, việc phối hợp giữa Cấp ủy và Ban Giám đốc chưa đồng bộ, kịp thời. Những khó khăn trên phần nào ảnh hưởng đến việc ban hành và thực hiện Chương trình công tác của Cấp ủy, Quy chế làm việc, Quy chế kiểm tra giám sát của Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra. Hiện nay, Công ty đã khắc phục được nội dung này, Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Công ty đã khắc phục và giải quyết các vấn đề tồn tại liên quan. Công ty đã và đang từng bước phát triển ổn định kiện toàn tổ

chức bộ máy, toàn thể Ban lãnh đạo, người lao động Công ty đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được UBND tỉnh giao.

Ý thức bảo vệ hành lang an toàn thủy lợi của người dân sống trong vùng hưởng lợi từ hệ thống công trình thủy lợi còn chưa cao, thường xuyên lấn chiếm xâm phạm hành lang an toàn công trình thủy lợi, chưa có ý thức trong việc giữ gìn môi trường nước.

Về cấp nước cho sinh hoạt: hiện nay Công ty đang phối hợp với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường và Công ty Cổ phần cấp nước để lắp các đồng hồ đo nước cấp cho các nhà máy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Công ty chưa xây dựng được hệ thống đánh giá hiệu quả lao động để xác định mức độ hoàn thành, năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc để làm cơ sở trả lương, trả thưởng phù hợp với tình hình, bối cảnh phát triển kinh tế thị trường hiện nay.

3.2 Nguyên nhân khách quan

Việc sản xuất kinh doanh chính của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết nên nguồn thu từ diện tích tưới cho sản xuất nông nghiệp (chiếm trên 70% doanh thu) không ổn định do những năm gần đây tỉnh Ninh Thuận thường xuyên xảy ra hạn hán. Nguồn thu giảm kéo theo tiền lương của người lao động cũng giảm ảnh hưởng đến thu nhập của toàn thể người lao động tại Công ty.

Trong những năm gần đây tình hình thời tiết diễn ra hết sức phức tạp, thường xuyên xảy ra hạn hán, tình ta cũng bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, lượng mưa ít phân bố không đều nên các hồ chứa không tích đủ nước để phục vụ sản xuất.

Diện tích sản xuất lúa ở khu tưới các hồ chứa lớn hơn rất nhiều so với dung tích thiết kế nên một số các hồ chứa không đáp ứng đủ lượng nước và chủ yếu chỉ phục vụ tưới được từ (1-2) vụ/ năm.

Diện tích sản xuất giảm do tốc độ đô thị hóa ngày càng nhiều, đặc biệt hiện nay nhiều dự án Điện mặt trời, điện gió được triển khai trên đất nông nghiệp ở tỉnh ta trong thời gian qua đã làm giảm đáng kể diện tích sản xuất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến khu tưới và doanh thu của Công ty.

Hiệu quả của công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng trên địa bàn tỉnh còn rất thấp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, một số địa phương người dân không sản xuất màu theo kế hoạch chuyển đổi của địa phương vì nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan gây lãng phí nguồn nước.

Còn thiếu cơ chế chính sách quy định về việc tự chủ trong việc mở rộng sản xuất kinh doanh dựa trên ngành nghề chính là quản lý khai thác công trình thủy lợi; thiếu hành lang pháp lý quy định chế tài trong công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình thủy lợi; chưa ban hành khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi để làm cơ sở để Công ty thực hiện.

Trên đây là báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận./.

(Đính kèm Phụ lục số 01 và phụ lục số 10)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát nội bộ;
- Phòng Tài vụ;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY





PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ năm 2016-2021)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU (Theo từng năm)
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	2016: 4 2019: 3 2017: 2 2020: 5 2018: 2 2021: 5
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	/
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	2016: 241 2019: 255 2017: 249 2020: 265 2018: 254 2021: 271
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	2016: 4 2019: 6 2017: 4 2020: 9 2018: 6 2021: 6
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	/
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	/
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	/
	Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	2016: 2 2019: 3 2017: 2 2020: 2 2018: 5 2021: 2
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa	Văn bản	2016: 1 2019: 2 2017: 1 2020: 2 2018: 1 2021: 2

	đổi, bổ sung cho phù hợp		
10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	/
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	/
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	/
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	/
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	/
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	/
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	/
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	/
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	/
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	/
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	/
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	Người	/
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	/
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	/
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người	/

25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	/
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập		
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	/
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	/
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	/
29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	/
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	/
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	/
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	/
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng	/
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	/
	Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	/
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	/
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	/
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị		

38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	/
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người	/
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	/
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	/
42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	/
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	/
<i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát</i>			
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	/
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	/
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	/
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	/
<i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>			
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	/
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	/
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	/
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	/
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	/

53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	/
Qua điều tra tội phạm			
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	/
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được quan chức năng khởi tố	Người	/
Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng			
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	/
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	/
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	/
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	/
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
XỬ LÝ THAM NHŨNG			
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ	/
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	/
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	/
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	/
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	/
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	/
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	/
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	/
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	/

65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	/
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	/
67	Đất đai	m ²	/
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	/
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
69	Đất đai	m ²	/
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	/
71	Đất đai	m ²	/

Tỉnh Ninh Thuận, Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CÁC DNNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
GIAI ĐOẠN 2016-2021**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016- 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	Cty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận									
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh									
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng								
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng								
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h								
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Tân (lít)								
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	2,44	4,04	2,8	1,9	0,289	2,3	13,769	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016-2021	Ghi chú
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng								
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng								
II	Quản lý đầu tư xây dựng									
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án								
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án								
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được									
3.1	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng								
3.2	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng								
3.3	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng								
3.4	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng								
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn									
4.1	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án								
4.2	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016-2021	Ghi chú
5	Các nội dung khác	triệu đồng	218	202	150	170	187	130	1.057	
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước									
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng								
2	Số tiền chênh lệch giai đoạn, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng								
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng								
IV	Mua sắm phương tiện									
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con									
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	4	4	4	4	4	4	24	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc								
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc								
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc								
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng								
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016-2021	Ghi chú
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc								
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng								
V	Nợ phải thu khó đòi									
1	Số đầu kỳ	triệu đồng								
2	Số cuối kỳ	triệu đồng								
VI	Vốn chủ sở hữu									
1	Số đầu năm	triệu đồng	1.729.907	1.730.007	2.063.862	2.065.883	2.087.278	2.285.585	11.962.522	
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	1.730.007	2.063.862	2.065.883	2.087.278	2.285.585	2.347.196	12.579.811	